

THÔNG TƯ
Quy định về Quy chế làm việc của các Tổ Thẩm phán
trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản

Thông tư số 01/2015/TT-CA ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định về Quy chế làm việc của các Tổ thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản, có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 11 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

CHÁNH ÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ vào Luật tổ chức Tòa án nhân dân số 62/2014/QH13;

Căn cứ vào Luật phá sản số 51/2014/QH13;

Căn cứ vào Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12;

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư quy định về quy chế làm việc của các Tổ Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản¹.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về thành lập, nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc hoạt động, chế độ làm việc, cơ chế phối hợp của Tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, Tổ Thẩm phán giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản, Tổ Thẩm phán giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

Điều 2. Thành lập Tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

¹ Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học;

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.”

1.² Tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật phá sản được thành lập ở Tòa án nhân dân khu vực để giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

2.³ Trong thời hạn giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, Chánh án Tòa án nhân dân khu vực căn cứ vào tính chất của vụ việc phá sản quyết định thành lập Tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

3. Chánh án hoặc Phó Chánh án được Chánh án ủy nhiệm của Tòa án nhân dân đang giải quyết vụ việc phá sản phải ban hành quyết định thành lập Tổ Thẩm phán gồm 03 Thẩm phán và giao cho một Thẩm phán làm Tổ trưởng.

4. Việc thay đổi, bổ sung Thẩm phán để thành lập Tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản được thực hiện khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Trong quá trình giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản mà Thẩm phán không tiếp tục thực hiện được nhiệm vụ của mình vì lý do sức khỏe, nghỉ hưu, chuyển công tác, chưa được bổ nhiệm lại khi hết nhiệm kỳ, sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác hoặc thuộc trường hợp phải từ chối hoặc thay đổi quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật phá sản, thì việc thay đổi Thẩm phán thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật phá sản;

b) Trường hợp Thẩm phán đang giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản nhận thấy vụ việc phá sản thuộc trường hợp phải thành lập Tổ Thẩm phán được hướng dẫn tại khoản 2 Điều này thì báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân phân công bổ sung hai Thẩm phán để thành lập Tổ Thẩm phán;

c) Trường hợp Tổ Thẩm phán đang giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản mà Tổ trưởng Tổ Thẩm phán nhận thấy vụ việc phá sản không thuộc trường hợp phải thành lập Tổ Thẩm phán được hướng dẫn tại khoản 2 Điều này mà chỉ cần một Thẩm phán giải quyết thì Tổ trưởng Tổ Thẩm phán báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân để xem xét, quyết định việc phân công một Thẩm phán giải quyết thay cho Tổ Thẩm phán.

5. Việc thay đổi, bổ sung Thẩm phán phải được xem xét, quyết định trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, đề nghị và phải được gửi ngay cho người tiến hành thủ tục phá sản, người tham gia thủ tục phá sản.

² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 3. Thành lập Tổ Thẩm phán giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản và Tổ Thẩm phán giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản

1.⁴ Tổ Thẩm phán do Tòa án nhân dân cấp tỉnh thành lập để giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản của Tòa án nhân dân khu vực.

2.⁵ Tổ Thẩm phán do Tòa án nhân dân cấp tỉnh thành lập để giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản của Tòa án nhân dân khu vực.

3. Chánh án Tòa án nhân dân có thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải ban hành quyết định thành lập Tổ thẩm phán gồm 03 Thẩm phán và giao cho một Thẩm phán làm Tổ trưởng.

4. Việc thay đổi Thẩm phán để thành lập Tổ Thẩm phán giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản; Tổ thẩm phán giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản được thực hiện như sau:

a) Trong quá trình giải quyết mà Thẩm phán không tiếp tục thực hiện được nhiệm vụ của mình vì lý do sức khỏe, nghỉ hưu, chuyển công tác, chưa được bổ nhiệm lại khi hết nhiệm kỳ, sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác hoặc thuộc trường hợp phải từ chối hoặc thay đổi quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật phá sản, thì việc thay đổi Thẩm phán thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật phá sản;

b) Việc quyết định thay đổi Thẩm phán phải được xem xét, quyết định trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, đề nghị và phải được gửi cho người tiến hành thủ tục phá sản, người tham gia thủ tục phá sản.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Tổ Thẩm phán

1. Tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán theo quy định tại Điều 9 của Luật phá sản, các quy định khác của pháp luật phá sản và quy định tại Thông tư này. Tổ Thẩm phán bắt đầu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn kể từ khi có quyết định thành lập của Chánh án theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư này và chấm dứt việc thực hiện

⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

nhiệm vụ, quyền hạn sau khi đã giải quyết xong vụ việc phá sản hoặc sau khi có quyết định của Chánh án Tòa án nhân dân quy định tại điểm c khoản 4 Điều 2 của Thông tư này.

2. Tổ Thẩm phán giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 44 của Luật phá sản, các quy định khác của pháp luật phá sản và quy định tại Thông tư này. Tổ Thẩm phán bắt đầu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn kể từ khi có quyết định thành lập của Chánh án theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thông tư này và chấm dứt việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau khi đã giải quyết xong đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản quy định tại Điều 44 của Luật phá sản.

3. Tổ Thẩm phán giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 112 của Luật phá sản, các quy định khác của pháp luật phá sản và quy định tại Thông tư này. Tổ Thẩm phán bắt đầu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn kể từ khi có quyết định thành lập của Chánh án theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thông tư này và chấm dứt việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau khi đã giải quyết xong đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản quy định tại Điều 112 của Luật phá sản.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của các Tổ Thẩm phán

1. Tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản xem xét, thảo luận tập thể và quyết định theo đa số đối với những loại việc quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Tổ Thẩm phán giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản xem xét, thảo luận tập thể và quyết định theo đa số đối với những loại việc quy định tại khoản 1 Điều 13 của Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Tổ Thẩm phán giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản xem xét, thảo luận tập thể và quyết định theo đa số đối với những loại việc quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Tổ trưởng Tổ Thẩm phán thay mặt Tổ Thẩm phán điều hành, phụ trách chung hoạt động của Tổ Thẩm phán. Tổ trưởng Tổ Thẩm phán báo cáo Tổ thẩm phán và chịu trách nhiệm trước Tổ thẩm phán, trước pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ thẩm phán Tổ trưởng Tổ thẩm phán ký thay mặt Tổ thẩm phán và đóng dấu Tòa án.

5. Thành viên Tổ Thẩm phán thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Tổ trưởng Tổ thẩm phán. Thành viên Tổ thẩm phán báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổ Thẩm phán, Tổ trưởng Tổ Thẩm phán và trước pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công, thành viên Tổ Thẩm phán ký thay Tổ trưởng Tổ Thẩm phán và đóng dấu Tòa án.

6. Các thành viên Tổ Thẩm phán có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ vụ việc phá sản và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác của Thẩm phán, Tổ Thẩm phán theo quy định của pháp luật phá sản.

Điều 6. Nguyên tắc phối hợp giữa Tổ Thẩm phán với Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan thi hành án dân sự, Kiểm sát viên, Chấp hành viên, Quản tài viên và doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

1. Tổ trưởng Tổ Thẩm phán, thành viên Tổ Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật phá sản khi phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan thi hành án dân sự, Kiểm sát viên, Chấp hành viên, Quản tài viên và doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

2. Việc phối hợp giữa Tổ trưởng Tổ Thẩm phán, thành viên Tổ Thẩm phán với Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan thi hành án dân sự, Kiểm sát viên, Chấp hành viên, Quản tài viên và doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải bảo đảm giải quyết vụ việc phá sản được nhanh chóng, kịp thời, vô tư, khách quan, đúng pháp luật.

Chương II

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA TỔ THẨM PHÁN GIẢI QUYẾT ĐƠN YÊU CẦU MỞ THỦ TỤC PHÁ SẢN

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

1. Tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản quy định tại Điều 42 của Luật phá sản;

b) Xác định giá trị nghĩa vụ về tài sản quy định tại Điều 51 của Luật phá sản;

c) Xử lý khoản nợ có bảo đảm quy định tại Điều 53 của Luật phá sản;

d) Quyết định tuyên bố giao dịch vô hiệu quy định tại Điều 60 của Luật phá sản;

đ) Quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ thực hiện hợp đồng đang có hiệu lực quy định tại Điều 61 của Luật phá sản;

e) Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại Điều 70 của Luật phá sản;

g) Quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản quy định tại Điều 86 của Luật phá sản;

h) Quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh quy định tại Điều 95 của Luật phá sản;

i) Xử lý tranh chấp tài sản trước khi có quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản quy định tại Điều 114 của Luật phá sản;

k) Quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản quy định tại các điều 105, 106 và 107 của Luật phá sản;

l) Áp dụng biện pháp xử phạt hành chính; đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý về hình sự quy định tại khoản 13 Điều 9 và Điều 129 của Luật phá sản.

2. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác của Tổ Thẩm phán được thực hiện theo quy định tại Điều 9 của Thông tư này.

Điều 8. Phương thức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

1. Khi xem xét, giải quyết các vấn đề quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này, Tổ trưởng Tổ Thẩm phán phải tổ chức phiên họp để thảo luận tập thể và quyết định theo đa số. Phiên họp của Tổ Thẩm phán phải có đủ các thành viên Tổ Thẩm phán, trường hợp có thành viên Tổ Thẩm phán vắng mặt thì phải hoãn phiên họp.

2. Trình tự, thủ tục phiên họp của Tổ Thẩm phán được thực hiện như sau:

a) Tổ trưởng Tổ Thẩm phán khai mạc và chủ trì phiên họp. Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp;

b) Thành viên của Tổ Thẩm phán báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trước Tổ thẩm phán. Tổ trưởng Tổ Thẩm phán trình bày tóm tắt nội dung vụ việc, quá trình giải quyết và các nội dung cần thảo luận, ra quyết định theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này;

c) Trong trường hợp cần thiết, Tổ Thẩm phán có thể triệu tập Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, người tham gia thủ tục phá sản để họ trình bày ý kiến;

d) Các thành viên của Tổ Thẩm phán thảo luận và biểu quyết về các nội dung cần ra quyết định.

3. Khi thảo luận và biểu quyết phải có biên bản ghi lại ý kiến đã thảo luận và quyết định của Tổ Thẩm phán. Biên bản phiên họp của Tổ Thẩm phán phải được các thành viên của Tổ Thẩm phán, Thư ký Tòa án ghi biên bản ký, ghi rõ họ

tên. Thành viên Tổ Thẩm phán có ý kiến thiểu số có quyền trình bày ý kiến của mình bằng văn bản riêng hoặc ghi trong biên bản phiên họp.

4. Quyết định của Tổ Thẩm phán phải được đa số thành viên của Tổ Thẩm phán biểu quyết tán thành. Quyết định này phải được lập thành văn bản và được Tổ trưởng Tổ Thẩm phán ký thay mặt Tổ Thẩm phán và đóng dấu Tòa án.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng Tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

1. Các nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ Thẩm phán sau đây do Tổ trưởng Tổ Thẩm phán thay mặt Tổ Thẩm phán thực hiện:

a) Xử lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản quy định tại Điều 32 và Điều 39 của Luật phá sản;

b) Xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản trong trường hợp cần thiết quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật phá sản;

c) Quyết định việc bán tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán sau khi mở thủ tục phá sản để bảo đảm chi phí phá sản quy định tại khoản 6 Điều 9 và khoản 3 Điều 23 của Luật phá sản;

d) Quyết định chỉ định hoặc thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 9, Điều 45 và Điều 46 của Luật phá sản;

đ) Giám sát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản quy định tại Điều 47 của Luật phá sản;

e) Quyết định áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền dẫn giải đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật quy định tại khoản 8 Điều 9 của Luật phá sản;

g) Ủy thác tư pháp trong việc giải quyết phá sản quy định tại Điều 50 của Luật phá sản;

h) Tổ chức Hội nghị chủ nợ quy định tại khoản 9 Điều 9, các điều 75, 80, 81 và 91 của Luật phá sản;

i) Quyết định công nhận Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã quy định tại Điều 92 của Luật phá sản;

k) Giám sát thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh quy định tại Điều 93 của Luật phá sản;

l) Giám sát hoạt động của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản quy định tại khoản 4 Điều 9 của Luật phá sản;

m) Quyết định việc thực hiện kiểm toán doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán trong trường hợp cần thiết quy định tại khoản 5 Điều 9 của Luật phá sản;

n) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác của Tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật, trừ các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này.

2. Thành viên Tổ Thẩm phán thay mặt Tổ Thẩm phán thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này theo sự phân công bằng văn bản của Tổ trưởng Tổ Thẩm phán.

Điều 10. Cơ chế phối hợp giữa Tổ Thẩm phán với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

1. Tổ trưởng Tổ Thẩm phán hoặc thành viên Tổ Thẩm phán được phân công có trách nhiệm chỉ định, thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản theo quy định tại Điều 45 và Điều 46 của Luật phá sản. Trường hợp thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thì phải có quyết định thay đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Luật phá sản, trong đó nêu rõ lý do thay đổi.

2. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện việc đề xuất, đề nghị, yêu cầu, báo cáo quy định tại khoản 2 Điều 47, các điều 16, 49, 53, 59, 60, 63, 70, 87, 93, 115 và 127 của Luật phá sản bằng văn bản và gửi Tổ trưởng Tổ thẩm phán hoặc thành viên Tổ thẩm phán được phân công xem xét giải quyết trong thời hạn pháp luật phá sản quy định.

Tổ trưởng Tổ Thẩm phán hoặc thành viên Tổ Thẩm phán xem xét giải quyết trong thời hạn pháp luật phá sản quy định. Trường hợp pháp luật phá sản không quy định thời hạn thì Tổ trưởng Tổ Thẩm phán hoặc thành viên Tổ Thẩm phán được phân công phải xem xét, quyết định trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, đề nghị, yêu cầu, báo cáo. Kết quả giải quyết của Tổ trưởng Tổ Thẩm phán hoặc thành viên Tổ Thẩm phán phải được gửi ngay cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

3. Tổ trưởng Tổ Thẩm phán hoặc thành viên Tổ Thẩm phán được Tổ trưởng phân công giám sát hoạt động của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý hoặc hàng năm trước ngày 15 của tháng tiếp theo của kỳ báo cáo; việc báo cáo phải bằng văn bản được gửi theo hình thức trực tiếp, qua bưu điện.

Trong trường hợp cần thiết, Tổ trưởng Tổ Thẩm phán hoặc thành viên Tổ Thẩm phán được phân công có quyền yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản báo cáo trực tiếp hoặc bằng văn bản về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được

yêu cầu báo cáo thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải thực hiện việc báo cáo cho Tổ trưởng Tổ Thẩm phán hoặc thành viên Tổ thẩm phán được phân công.

4. Tổ trưởng Tổ Thẩm phán hoặc thành viên Tổ Thẩm phán được phân công có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có hành vi vi phạm pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 129 của Luật phá sản và Luật xử lý vi phạm hành chính. Quyết định xử phạt hành chính phải được gửi cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, Sở Tư pháp tỉnh, thành phố⁶ nơi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đăng ký hành nghề trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ban hành quyết định.

Điều 11. Cơ chế phối hợp giữa Tổ Thẩm phán với Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên

1. Tổ trưởng Tổ Thẩm phán hoặc thành viên Tổ Thẩm phán được Tổ trưởng Tổ thẩm phán phân công gửi cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản theo quy định tại các điều 35, 36, 40, 43, 84, 85, 86, 92, 95, 109 và 114 của Luật phá sản.

2. Khi giải quyết vụ việc phá sản, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hình sự, Tổ trưởng Tổ thẩm phán hoặc thành viên Tổ Thẩm phán được phân công phải gửi văn bản đề nghị và các tài liệu có liên quan (nếu có) cho Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền để khởi tố vụ án hình sự.

Điều 12. Cơ chế phối hợp giữa Tổ Thẩm phán với Cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên

1. Tổ trưởng Tổ Thẩm phán hoặc thành viên Tổ Thẩm phán được phân công có trách nhiệm gửi cho Cơ quan thi hành án dân sự quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản, quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản và các quyết định khác theo quy định tại khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 43, Điều 60, 86, 95, 109, và 114 của Luật phá sản.

2. Khi nhận được văn bản yêu cầu, đề nghị của Chấp hành viên theo quy định tại khoản 1 Điều 115, Điều 125 của Luật phá sản, khoản 2 Điều 179 của Luật Thi hành án dân sự, Tổ trưởng Tổ thẩm phán phải xem xét, giải quyết trong thời hạn pháp luật phá sản quy định và gửi ngay kết quả giải quyết cho Chấp hành viên, Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

⁶ Cụm từ “trực thuộc trung ương” được bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Chương III

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA TỔ THẨM PHÁN GIẢI QUYẾT ĐỀ NGHỊ XEM XÉT LẠI, KHÁNG NGHỊ QUYẾT ĐỊNH MỞ HOẶC KHÔNG MỞ THỦ TỤC PHÁ SẢN

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ Thẩm phán giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản

1. Tổ Thẩm phán giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản phải tổ chức phiên họp để thảo luận và quyết định theo đa số khi ra một trong các quyết định quy định tại Điều 44 của Luật phá sản như sau:

- a) Giữ nguyên quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản;
- b) Hủy quyết định không mở thủ tục phá sản và giao cho Tòa án nhân dân đã ra quyết định không mở thủ tục phá sản xem xét ra quyết định mở thủ tục phá sản;
- c) Hủy quyết định mở thủ tục phá sản và thông báo cho Tòa án nhân dân đã ra quyết định mở thủ tục phá sản và những người tham gia thủ tục phá sản.

2. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác của Tổ Thẩm phán được thực hiện theo quy định tại Điều 15 của Thông tư này.

Điều 14. Trình tự, thủ tục phiên họp giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản

1. Tổ trưởng Tổ Thẩm phán phải tổ chức phiên họp giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản trong thời hạn quy định tại khoản 5 Điều 44 của Luật phá sản. Phiên họp của Tổ Thẩm phán phải có đủ các thành viên Tổ Thẩm phán, trường hợp có thành viên Tổ Thẩm phán vắng mặt thì phải hoãn phiên họp.

2. Tổ trưởng Tổ Thẩm phán khai mạc và chủ trì phiên họp. Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp.

3. Một thành viên của Tổ Thẩm phán trình bày tóm tắt nội dung vụ việc phá sản, quá trình giải quyết vụ việc phá sản và đề nghị của người đề nghị xem xét lại (nếu có). Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân về quyết định kháng nghị trong trường hợp Viện kiểm sát nhân dân có kháng nghị.

4. Trường hợp có người tham gia thủ tục phá sản được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp thì họ có quyền trình bày ý kiến của mình về đề nghị xem xét lại quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản, quyết định kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản.

5. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân về đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản.

6. Tổ Thẩm phán thảo luận và biểu quyết tại phòng họp kín về việc giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản. Khi thảo luận và biểu quyết tại phòng họp kín phải có biên bản ghi lại ý kiến đã thảo luận và quyết định của Tổ Thẩm phán. Biên bản phiên họp của Tổ Thẩm phán phải được các thành viên của Tổ Thẩm phán, Thư ký Tòa án ghi biên bản ký, ghi rõ họ tên. Thành viên Tổ thẩm phán có ý kiến thiểu số có quyền trình bày ý kiến của mình bằng văn bản riêng hoặc ghi trong biên bản phiên họp.

Trong trường hợp có nhiều tình tiết phức tạp mà không thể ra quyết định ngay thì Tổ Thẩm phán có thể quyết định kéo dài thời gian thảo luận và biểu quyết nhưng không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày mở phiên họp.

7. Quyết định của Tổ Thẩm phán phải được đa số thành viên của Tổ Thẩm phán biểu quyết tán thành. Quyết định này phải được lập thành văn bản, được Tổ trưởng Tổ thẩm phán ký thay mặt Tổ thẩm phán và đóng dấu Tòa án.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng Tổ Thẩm phán giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản

1. Các nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ thẩm phán sau đây do Tổ trưởng Tổ thẩm phán thay mặt Tổ Thẩm phán thực hiện:

a) Tiếp nhận hồ sơ vụ việc phá sản kèm theo đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản;

b) Xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản trong trường hợp cần thiết;

c) Gửi tài liệu, chứng cứ bổ sung cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;

d) Tổ chức nghiên cứu hồ sơ vụ việc phá sản, đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản;

đ) Quyết định mở phiên họp xem xét, giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản;

e) Gửi quyết định của Tổ Thẩm phán theo quy định tại khoản 7 Điều 44 của Luật phá sản cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, người nộp đơn, doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu mở thủ tục phá sản;

g) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác để giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật phá sản.

2. Thành viên Tổ Thẩm phán thay mặt Tổ Thẩm phán thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này theo sự phân công bằng văn bản của Tổ trưởng Tổ Thẩm phán.

Điều 16. Cơ chế phối hợp giữa Tổ Thẩm phán giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản với Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên

1. Tổ trưởng Tổ Thẩm phán hoặc thành viên Tổ Thẩm phán được Tổ trưởng Tổ thẩm phán phân công có trách nhiệm:

a) Gửi ngay bản sao tài liệu, chứng cứ bổ sung và quyết định mở phiên họp xem xét, giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;

b) Gửi quyết định của Tổ Thẩm phán theo quy định tại khoản 7 Điều 44 của Luật phá sản cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.

2. Tổ trưởng Tổ Thẩm phán thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để cử Kiểm sát viên tham gia phiên họp. Trường hợp Kiểm sát viên không tham gia phiên họp thì Tổ trưởng Tổ Thẩm phán hoãn phiên họp và thông báo bằng văn bản cho Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA TỔ THẨM PHÁN GIẢI QUYẾT ĐƠN ĐỀ NGHỊ, KHÁNG NGHỊ QUYẾT ĐỊNH TUYÊN BỐ DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ PHÁ SẢN

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ Thẩm phán giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản

1. Tổ Thẩm phán giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản phải tổ chức phiên họp để thảo luận và quyết định theo đa số khi ra một trong các quyết định quy định tại Điều 112 của Luật phá sản như sau:

a) Không chấp nhận đơn đề nghị, kháng nghị và giữ nguyên quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản;

b) Sửa quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản;

c) Hủy quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân cấp dưới có thẩm quyền giải quyết lại.

2. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác của Tổ Thẩm phán được thực hiện theo quy định tại Điều 19 của Thông tư này.

Điều 18. Trình tự, thủ tục phiên họp giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản

1. Tổ trưởng Tổ Thẩm phán phải tổ chức phiên họp giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 112 của Luật phá sản. Phiên họp của Tổ thẩm phán phải có đủ các thành viên Tổ thẩm phán, trường hợp có thành viên Tổ thẩm phán vắng mặt thì phải hoãn phiên họp.

2. Tổ trưởng Tổ thẩm phán khai mạc và chủ trì phiên họp. Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp.

3. Một thành viên của Tổ Thẩm phán trình bày tóm tắt nội dung vụ việc phá sản, quá trình giải quyết vụ việc phá sản và đề nghị của người đề nghị xem xét lại (nếu có). Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân về quyết định kháng nghị trong trường hợp Viện kiểm sát nhân dân có kháng nghị.

4. Trường hợp có người tham gia thủ tục phá sản được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp thì họ được trình bày ý kiến của mình về đề nghị xem xét lại quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, quyết định kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

5. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân về đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

6. Tổ Thẩm phán thảo luận và biểu quyết tại phòng họp kín về việc giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản. Khi thảo luận và biểu quyết tại phòng họp kín phải có biên bản ghi lại ý kiến đã thảo luận và quyết định của Tổ thẩm phán. Biên bản phiên họp của Tổ Thẩm phán phải được các thành viên của Tổ Thẩm phán, Thư ký Tòa án ghi biên bản ký, ghi rõ họ tên. Thành viên Tổ thẩm phán có ý kiến thiểu số có quyền trình bày ý kiến của mình bằng văn bản riêng hoặc ghi trong biên bản phiên họp.

Trong trường hợp có nhiều tình tiết phức tạp mà không thể ra quyết định ngay thì Tổ Thẩm phán có thể quyết định kéo dài thời gian thảo luận và biểu quyết nhưng không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày mở phiên họp.

7. Quyết định của Tổ Thẩm phán phải được đa số thành viên của Tổ Thẩm phán biểu quyết tán thành. Quyết định này được lập thành văn bản và được Tổ trưởng Tổ Thẩm phán ký thay mặt Tổ Thẩm phán và đóng dấu Tòa án.

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng Tổ Thẩm phán giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản

1. Các nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ Thẩm phán sau đây do Tổ trưởng Tổ Thẩm phán thay mặt Tổ Thẩm phán thực hiện:

a) Tiếp nhận hồ sơ vụ việc phá sản kèm theo đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản;

b) Xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản trong trường hợp cần thiết;

c) Gửi tài liệu, chứng cứ bổ sung cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;

d) Tổ chức nghiên cứu hồ sơ vụ việc phá sản, đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản;

đ) Quyết định mở phiên họp xem xét, giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản;

e) Gửi quyết định của Tổ Thẩm phán theo quy định tại khoản 3 Điều 112 của Luật phá sản cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, người nộp đơn, doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu mở thủ tục phá sản;

g) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác để giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo quy định của pháp luật phá sản.

2. Thành viên Tổ Thẩm phán thay mặt Tổ Thẩm phán thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này theo sự phân công bằng văn bản của Tổ trưởng Tổ Thẩm phán.

Điều 20. Cơ chế phối hợp giữa Tổ Thẩm phán giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản với Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên

1. Tổ trưởng Tổ thẩm phán hoặc thành viên Tổ Thẩm phán được Tổ trưởng Tổ Thẩm phán phân công có trách nhiệm:

a) Gửi ngay bản sao tài liệu, chứng cứ bổ sung và quyết định mở phiên họp xem xét, giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;

b) Gửi quyết định của Tổ Thẩm phán theo quy định tại khoản 3 Điều 112 của Luật phá sản cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, người nộp đơn, doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu mở thủ tục tuyên bố phá sản trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.

2. Tổ trưởng Tổ Thẩm phán thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để cử Kiểm sát viên tham gia phiên họp. Trường hợp Kiểm sát viên không tham gia phiên họp thì Tổ trưởng Tổ Thẩm phán hoãn phiên họp và thông báo bằng văn bản cho Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành⁷

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 26 tháng 11 năm 2015.
2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc cần giải thích hoặc hướng dẫn bổ sung thì đề nghị phản ánh kịp thời về Tòa án nhân dân tối cao để có giải thích hoặc hướng dẫn bổ sung kịp thời. *pho*

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 07 /VBHN-TANDTC

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2025

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng công báo);
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (để đăng tải);
- Các TAND và TAQS các cấp (để thực hiện);
- Các Thẩm phán TANDTC và các đơn vị thuộc TANDTC (để thực hiện);
- Công TTĐT TANDTC (để đăng tải);
- Lưu: VT, Vụ PC&QLKH (TANDTC).

**KT. CHÁNH ÁN
PHÓ CHÁNH ÁN**



Nguyễn Văn Tiến

⁷ Điều 10 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 10. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.”